TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-6-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Chung

2. Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau *tham gia phiên tòa*: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2019/TLST – HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bé Q (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Bé Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh V được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau ngày 20-5-2004. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, chung sống không hạnh phúc nên chị và anh V đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Vì vậy, chị Q yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có ba người con chung là Nguyễn Thanh N, sinh ngày 14-7-2001, Nguyễn Trường G, sinh ngày 05-12-2003, Nguyễn Thanh L, sinh

ngày 08-11-2007, hiện nay cháu N đã có gia đình sống riêng, cháu G và cháu L đang sống với chị. Trường hợp ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G và cháu L, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án có tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho anh V nhưng anh không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của chị Q về hôn nhân, về con chung là có cơ sở chấp nhận, về tài sản, nợ chung: Không có các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chị Q yêu cầu ly hôn với anh V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Các đương sự nêu trên được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, chị Q vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Q và anh V tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay, gia đình chị Q có hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Điều đó, cho thấy hôn nhân của chị Q và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét về tình trạng hôn nhân và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu của chị Q được ly hôn với anh V.

[2] Về con chung: Chị Q yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G và cháu L. Xét thấy, các cháu G và L đang chung sống ổn định với chị Q, các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị, anh V không có ý kiến gì về con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Q, chị Q không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Đối với cháu N đã trưởng thành có đủ khả năng để tự lao động để nuôi sống bản thân, chị Q không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Q phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị Q đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ chuyển thu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Bé Q và anh Nguyễn Văn V.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bé Q và anh Nguyễn Văn V được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 05-12-2003, Nguyễn Thanh L, sinh ngày 08-11-2007 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Q phải chịu 300.000 đồng. Ngày 14-3-2019 chị Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Q và anh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Thới Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Thới Bình;*
- *Ủy ban nhân dân xã T;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn